

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/FOBE/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH FOBE

Địa chỉ: Tầng 14, Toà nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028. 62713813

Fax: 028.62914745

E-mail: info@fobe.vn

Mã số doanh nghiệp: 0315462826

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

- Tên sản phẩm:** SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG NGUYÊN KEM 3,5% BÉO HIỆU ARLA
- Thành phần:** Sữa bò nguyên chất (100%).
- Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 365 ngày kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem "Production Date" và "Best before" trên đầu bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm).
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

Quy cách đóng gói: 12 x 1000 ml/ thùng

Thể tích thực: 1000 ml/hộp

Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng aluminium tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Arla Foods, Deutschland GmbH Niederlassung Pronsfeld

Địa chỉ: Im Scheid 1

54597 Pronsfeld, Deutschland, Germany (Đức)

III. NHÃN SẢN PHẨM (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)



IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- 1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số:**
 - QCVN 5-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.
- 2. Thông tư của các Bộ, ngành:**
 - Quyết định số 38/2008/BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP,HCM, Ngày 05 tháng 04 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Trần Khắc Dũng

03/04/2023

NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM

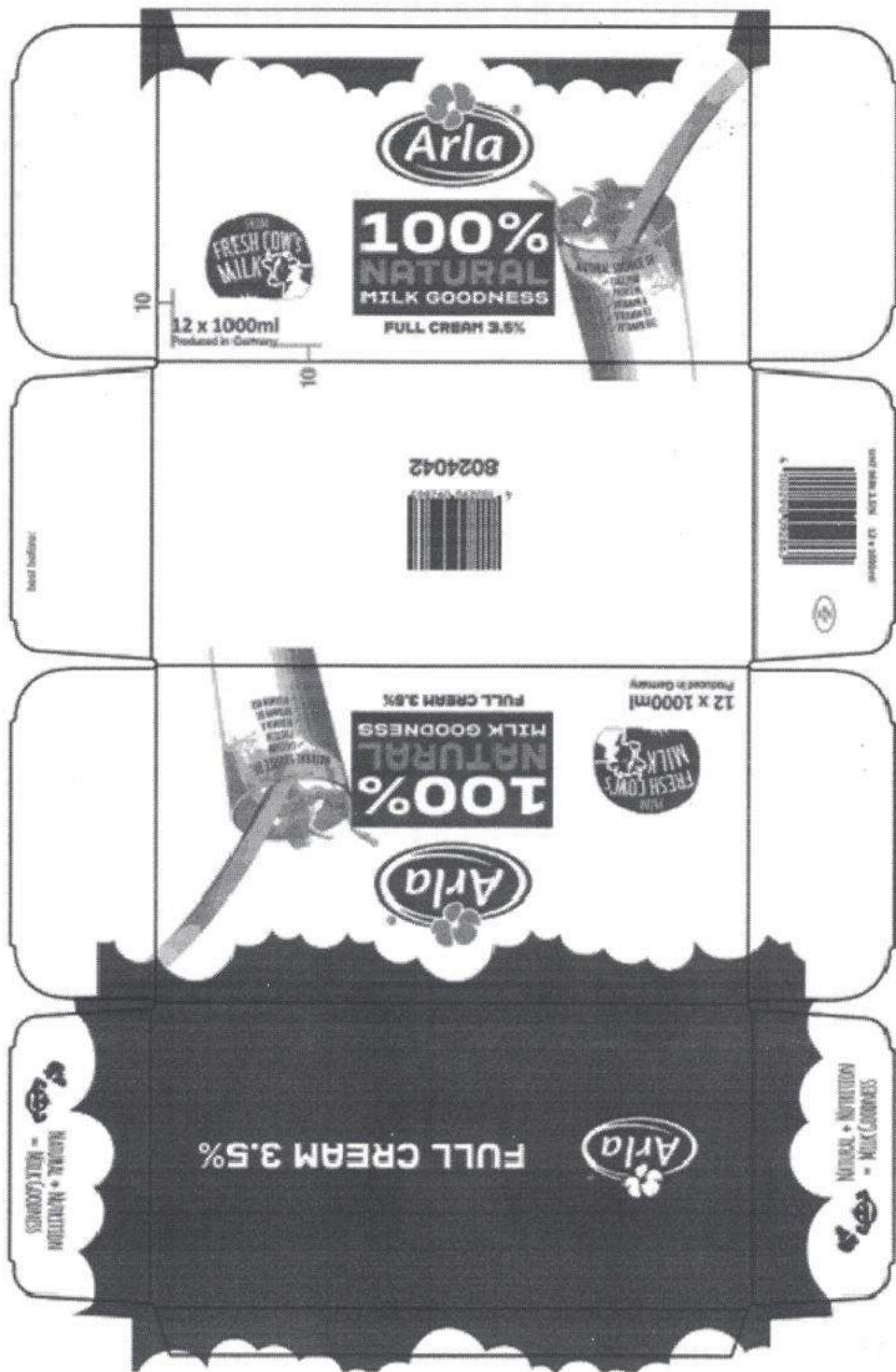
TÊN SẢN PHẨM:
SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG NGUYÊN KEM 3,5% BÉO HIỆU ARLA

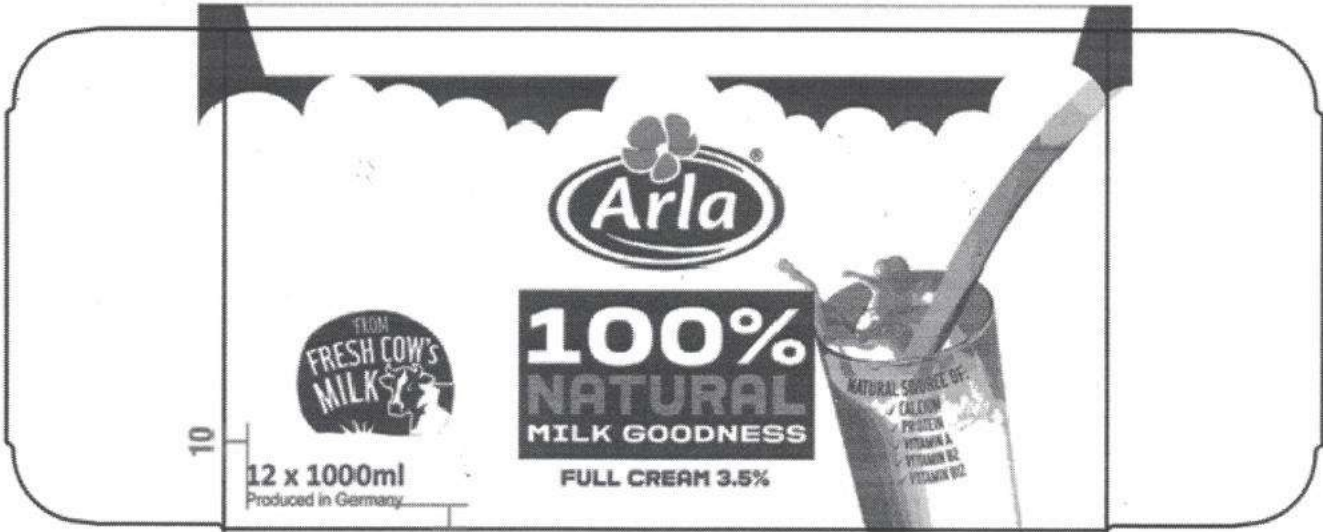
- 1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:
CÔNG TY TNHH FOBE
Địa chỉ: Tầng 14, Toà nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 2. Xuất xứ: Đức
Sản xuất tại: Arla Foods, Deutschland GmbH Niederlassung Pronsfeld
Địa chỉ: Im Scheid 1
54597 Pronsfeld, Deutschland, Germany (Đức)
- 3. Thể tích thực: 1000 ml/ hộp
- 4. Ngày sản xuất: / /
- 5. Hạn sử dụng: 365 ngày kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem "Production Date" và "Best before" trên đầu bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm).
- 6. Thành phần: Sữa bò nguyên chất (100%).
- 7. Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp. Uống lạnh trước khi dùng để thưởng thức hương vị ngon nhất.
- 8. Hướng dẫn bảo quản: Lưu trữ ở nơi khô thoáng. Sau khi mở, sử dụng như sữa tươi và dùng trong vòng 3 ngày. Sau mỗi lần sử dụng, đóng nắp lại và giữ lạnh cùng một lúc
- 9. Thông tin, cảnh báo: sản phẩm có chứa sữa.

Số TCB: 02/FOBE/2023

54
Ô
T
7
PHC

NHÃN SẢN PHẨM







Serving size: 250 ml. No. of servings per pack: 4
Calories per serving: 163 kcal.

NUTRITIONAL INFORMATION

	per 100g	% RNI* per serving
Energy (kJ/kcal)	273/65	
Protein (g)	3.4	19
Total Fat (g)	3.6	
Saturated Fat (g)	2.5	
Trans Fat (g)	0.16	
Cholesterol (mg)	12.4	
Total Carbohydrates (g)	4.8	
Dietary Fibre (g)	0.0	
Sugars (g)	4.8	
Lactose (g)	4.7	
Sodium (mg)	44	
Calcium (mg)	120	42
Vitamin B2 (Riboflavin) (mg)	0.18	62
Phosphorus (mg)	95	46
Vitamin B12 (µg)	0.45	61
Vitamin A (IU)	116.7	71
Potassium (mg)	140	
Vitamin B5 (Pantothenic acid) (mg)	335	
Magnesium (mg)	12	29
Vitamin B1 (Thiamin) (mg)	0.04	14
Zinc (mg)	0.4	16
Vitamin B6 (µg)	50	12
Iodine (µg)	5.25	11

*Daily values are based on a 2000 kcal diet.

Recommended nutrient intake for Children, age 7 to 9.

Declarations are based on the average natural composition of milk. Values may fluctuate depending on seasonal variations.

Long Life Ultra Heat Treated Milk 3.5% fat.

Ingredients: Whole milk. Allergen: Contains Milk.

Production date/Best before/ DD/MM/YY 此日期前最佳 日/月/年:

See top of packaging. Storage and usage: Chill before use to enjoy the best taste. Storage: Store in a cool, dry place. Once opened treat like fresh milk and use within 3 days. After each use, re-close and refrigerate at once. Country of origin: Produced in Germany at Arla Foods

Deutschland GmbH Niederlassung Pronsfield with Milk from EU.

Customer service/contact: www.arla.com

Leite longa duração UHT 3.5%.

Condições de armazenamento e uso: conservar em local seco e fresco. Para obter o melhor sabor deve manter o produto frio. Depois de aberto conservar no frigorífico entre 2°C e 5°C e consumir dentro de 3 dias.

Data de produção/Consumir de preferência antes de: ver topo da embalagem. Declaração nutricional por 100 gr: energia

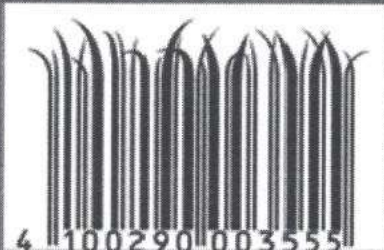
273 kJ (65 kcal), Lipídios 3,6 g, hidratos de carbono 4,8 g,

proteínas 3,4 g e cálcio 120 mg. País de origem: Alemanha.

Produzido na Alemanha por: Arla Foods amba, 8260-DK Viby J.

Apoio ao cliente: www.arla.com

Imported and distributed by: Philippines: Arla Foods Corporation, 24/F, Cribank Tower, 8741 Valero Cor. Villar Streets, Bel-Air, Makati City 1209/Global Pacific Distribution Network Corp., Big Blue DC Bldg., Zuellig Ave., North Reclamation Area, Subangdaku, Mandaue City, Cebu 6016. • Singapore: Trade Pro Food Distribution Pte Ltd., No. 1, Tuas Bay Close, Limer@Tuas, #01-01, Singapore 636997 • Qumështi Arla është qumësht natyral pa shpësa. Përbërësit: Qumësht i plotë. Distributore për Kosovë: Meridian Corporation, Bulevardi Bili Clinton, Zona Industriale Prishtinë • Myanmar: Grand Twin Brothers Ltd No 40, 67th Street, Botataung TSP, Yangon, Myanmar 11161 T: +95 1 294045/+95 1 8294002 F: +95 1 9010678 • Hong Kong: Miami International Food Co. Ltd., 4A, Magnet Place Tower 2, 38-42 Kwai Fung Crescent, Kwai Chung, NT



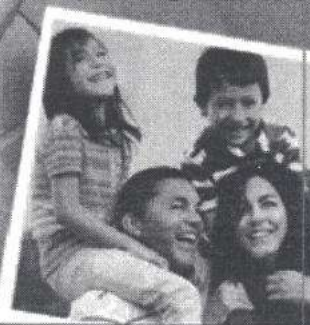
FULL CREAM 3.5% FAT



100%
NATURAL
MILK GOODNESS



FULL CREAM



NATURAL SOURCE OF:

- ✓ CALCIUM
- ✓ PROTEIN
- ✓ VITAMIN A
- ✓ VITAMIN B2
- ✓ VITAMIN B12

NUTRI-GRADE



此標示與特級純牛奶無效
THIS STANDARD IS APPLICABLE IN SINGAPORE ONLY

A globally aligned initiative that will enable farmers to measure climate impact at farm level and to discover how they can become even more climate efficient



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã kết quả: CV20231668-RV1-Trang 1/2

CÔNG TY TNHH FOBE

Tầng 14, Toà nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh



Tên mẫu : SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG NGUYÊN KEM 3,5% BÉO HIỆU ARLA
Mã đơn hàng : TP10082023030302
Mã số mẫu : 2023001668-1
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 23/03/2023
Thời gian thử nghiệm : 23/03/2023 - 29/03/2023
Ngày trả kết quả khách hàng : 29/03/2023

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	Enterobacteriaceae (a)(b)	cfu/ml	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=1)
2	Listeria monocytogenes (a)	cfu/ml	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=1)
3	Đạm sữa (a)	%	EPR-TP2-0077	3.36
4	Arsen (As) (a)	mg/kg	AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD=0.05)
5	Cadimi (Cd) (a)	mg/kg	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0.0004)
6	Chì (Pb) (a)	mg/kg	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0.004)
7	Thủy ngân (Hg) (a)	mg/kg	TCVN 7993:2009(EN 13806:2002)	Không phát hiện (LOD=0.01)
8	Aflatoxin M1	µg/kg	ISO 14501:2007 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	Benzylpenicilin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=2)
10	Chlortetracycline	µg/kg	EPR-TP2-0268 (LC/MS/MS)	Không phát hiện (LOD=10)
11	Dihydrostreptomycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=70)
12	Gentamycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=20)
13	Oxytetracyclin	µg/kg	EPR-TP2-0268 (LC/MS/MS)	Không phát hiện (LOD=10)
14	Procain Benzylpeniciline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=3)
15	Spiramycin	µg/kg	EPR-TP2-0268 (LC/MS/MS)	Không phát hiện





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã kết quả: CV20231668-RV1-Trang 2/2

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
				(LOD=10)
16	Streptomycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=70)
17	Tetracyclin	µg/kg	EPR-TP2-0268 (LC/MS/MS)	Không phát hiện (LOD=10)
18	Melamin	mg/kg	TCVN 9048 : 2012 (ISO/TS 15495:2010)	Không phát hiện (LOD=0.05)
19	Aldrin và dieldrin	mg/kg	EN 15662:2008 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)
20	Cyfluthrin	mg/kg	EN 15662:2008 mod	Không phát hiện (LOD= 0.005)
21	DDT (tổng)	mg/kg	EN 15662:2008 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)
22	Endosulfan	mg/kg	EN 15562:2018	Không phát hiện (LOD= 0.005)
23	Tỷ Trọng 20 độ		Ref. TCVN 5860 – 2007	1.0308

Ghi chú:
LOD: giới hạn phát hiện của phương pháp

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR

MSc. NGUYỄN HUỖNH TUẤN ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



MBA. VÕ TRƯỞNG DUY

Ghi chú và giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách
(a) Các phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
(b) Các phép thử được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm – Bộ Y Tế

BẢN DỊCH

Serving size: 250 ml. No. of servings per pack: 4
Calories per serving: 163 kcal.

NUTRITIONAL INFORMATION	per 100g	% RNI*
Energy (kJ/kcal)	273/65	
Protein (g)	3.4	19
Total Fat (g)	3.6	
Saturated Fat (g)	2.5	
Trans Fat (g)	0.16	
Cholesterol (mg)	12.4	
Total Carbohydrates (g)	4.8	
Dietary Fibre (g)	0.0	
Sugars (g)	4.8	
Lactose (g)	4.7	
Sodium (mg)	44	
Calcium (mg)	120	42
Vitamin B2 (Riboflavin) (mg)	0.18	62
Phosphorus (mg)	95	46
Vitamin B12 (µg)	0.45	61
Vitamin A (IU)	116.7	71
Potassium (mg)	140	
Vitamin B5 (Pantothenic acid) (mg)	335	
Magnesium (mg)	12	29
Vitamin B1 (Thiamin) (mg)	0.04	14
Zinc (mg)	0.4	16
Vitamin B6 (µg)	50	12
Iodine (µg)	5.25	11

*Daily values are based on a 2000 kcal diet.
Recommended nutrient intake for Children, age 7 to 9.
Declarations are based on the average natural composition of milk. Values may fluctuate depending on seasonal variations.

Long Life Ultra Heat Treated Milk 3.5% fat.
Ingredients: Whole milk. Allergen: Contains Milk.
Production date/Best before/ DD/MM/YY 此日期前最佳 日/月/年:
See top of packaging. Storage and usage: Chill before use to enjoy the best taste. Storage: Store in a cool, dry place. Once opened treat like fresh milk and use within 3 days. After each use, re-close and refrigerate at once. Country of origin: Produced in Germany at Arla Foods Deutschland GmbH Niederlassung Pronsfeld with Milk from EU.
Customer service/contact: www.arla.com

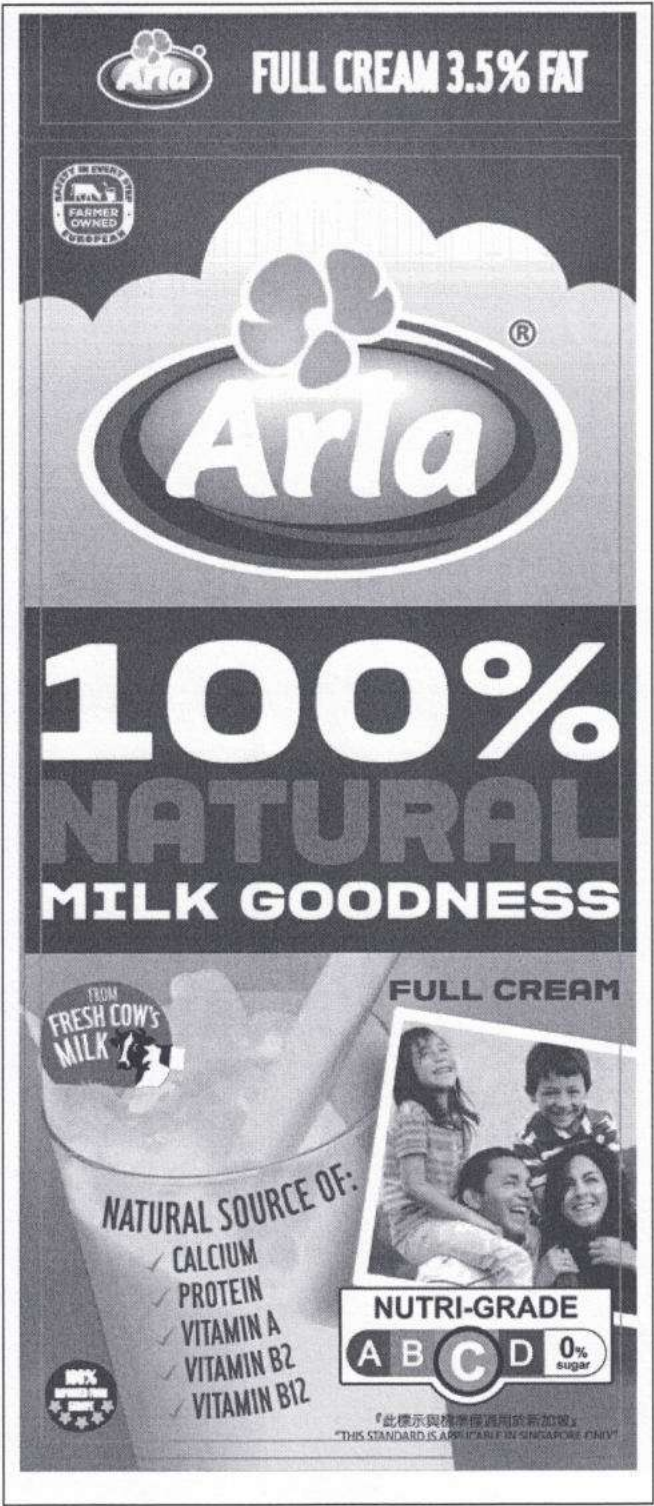
Khẩu phần phục vụ: 250 ml. Số khẩu phần trên mỗi gói: 4.
Năng lượng trên mỗi khẩu phần: 163 kcal

THÔNG TIN DINH DƯỠNG	Trên 100 g	%RNEI trên mỗi khẩu phần
Năng lượng (kJ/kcal)	273/65	
Đạm (g)	3,4	19
Chất béo tổng (g)	3,6	
Chất béo bão hòa (g)	2,5	
Chất béo chuyển hóa (g)	0,16	
Cholesterol (mg)	12,4	
Carbohydrate tổng (g)	4,8	
Chất xơ dinh dưỡng (g)	0,0	
Đường (g)	4,8	
Lactose (g)	4,7	
Natri (mg)	44	
Canxi (mg)	120	42
Vitamin B2 (Riboflavin) (mg)	0,18	62
Phốt pho(mg)	95	46
Vitamin B12 (µg)	0,45	61
Vitamin A (IU)	116,7	71
Kali (mg)	140	
Vitamin B5 (Pantothenic acid) (mg)	335	
Magiê (mg)	12	29
Vitamin B1 (Thiamin) (mg)	0,04	14
Kẽm (mg)	0,4	16
Vitamin B6 (µg)	50	12
I ốt (µg)	5,25	11

Giá trị hàng ngày dựa trên chế độ ăn 2000 kcal.
Lượng dinh dưỡng khuyến nghị cho Trẻ em, từ 7 đến 9 tuổi.
Tuyên bố dựa trên thành phần tự nhiên trung bình của sữa. Giá trị có thể dao động tùy thuộc vào sự thay đổi theo mùa.

SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG NGUYÊN KEM 3,5% BÉO
Thành phần: sữa nguyên chất. Thông tin dị ứng: Chứa sữa.
Ngày sản xuất/ Sử dụng tốt nhất trước/ NGÀY/THÁNG/NĂM Xem ở đầu hộp.
Bảo quản và sử dụng: Uớp lạnh trước khi dùng để thưởng thức hương vị ngon nhất. Lưu trữ: Lưu trữ ở nơi khô thoáng. Sau khi mở, sử dụng như sữa tươi và dùng trong vòng 3 ngày. Sau mỗi lần sử dụng, đóng nắp lại và giữ lạnh cùng một lúc. Xuất xứ: sản xuất ở Đức tại Arla Foods Deutschland GmbH Niederlassung Pronsfeld với sữa từ EU.
Chăm sóc khách hàng/liên hệ: www.arla.com

Aut



NGUYÊN KEM 3,5% CHẤT BÉO	
An toàn trong từng bước đi Nông dân sở hữu Châu Âu	
ARLA	
100% SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT	
TỪ SỮA BÒ TƯƠI	NGUYÊN KEM
NGUỒN TỰ NHIÊN CỦA; Canxi Đạm Vitamin A Vitamin B2 Vitamin B12	Cấp dinh dưỡng A B CD 0% đường
Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng ở Singapore	

BT

DE
RP 247
EG

1000 ml e

FRESH NEW LOOK



NEW

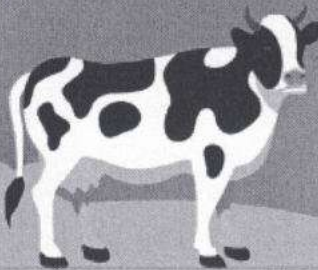
DELICIOUS
ALL NATURAL
COWS' MILK



Cows' milk
naturally contains
calcium and
proteins



Protein and calcium
are needed for normal
growth and development
of bone in children.



1000 ml

DIỆN MẠO MỚI

SỮA BÒ TƯƠI NGUYÊN
CHẤT THƠM NGON

Sữa bò tự nhiên chứa canxi và đạm

Đạm và canxi là cần thiết cho sự tăng
trưởng và phát triển bình thường của
xương trẻ nhỏ.

Aut

OUR CLIMATE AMBITION

Our planet is facing a climate challenge. Farming and dairy carry a huge responsibility, but also a great opportunity to positively contribute and help solve that challenge. At Arla we want to be part of the solution.

As the leading international dairy cooperative owned by thousands of farmers, we are committed to accelerating the transition to sustainable dairy production with intensified focus on the farms.



CARBON NET ZERO 2050

30% CARBON REDUCTION by 2030 

WE ARE MAKING PROGRESS. WE ARE PERFECTLY POSITIONED TO DELIVER ON OUR AMBITIONS.

100% RECYCLABLE PACKAGING by 2025

50% REDUCTION IN WASTE by 2030

ACHIEVING OUR VISION:

With emissions from the dairy value chain coming primarily from farms, the greatest impact can be driven at farm level

ARLAGÅRDEN®

Evolving our quality assurance programme to have a greater focus on sustainability and deliver results across Arla farms.



CLIMATE CHECK

A globally aligned initiative that will enable farmers to measure climate impact at farm level and to discover how they can become even more climate efficient



THAM VONG KHÍ HẬU CỦA CHÚNG TÔI

Hành tinh của chúng ta đang đối mặt với thách thức về khí hậu. Nông nghiệp và chăn nuôi bò sữa mang một trách nhiệm to lớn, nhưng cũng là một cơ hội tuyệt vời để đóng góp tích cực và giúp giải quyết thách thức đó. Tại Arla, chúng tôi muốn trở thành một phần của giải pháp.

Là hợp tác xã sữa quốc tế hàng đầu thuộc sở hữu của hàng nghìn nông dân, chúng tôi cam kết đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang sản xuất sữa bền vững với sự tập trung cao độ vào các trang trại.

Không có carbon năm 2050

Giảm 30% carbon vào năm 2030

Chúng tôi đang tiến bộ

Chúng tôi có vị trí hoàn hảo để thực hiện tham vọng của mình.

Bao bì có thể tái chế 100% vào năm 2025	Giảm 50% chất thải vào năm 2030
---	---------------------------------

ĐẠT ĐƯỢC TẦM NHÌN CỦA CHÚNG TÔI:

Với lượng khí thải từ chuỗi giá trị sữa chủ yếu đến từ các trang trại, tác động lớn nhất có thể được thúc đẩy ở cấp độ trang trại

ARLAGÅRDEN®

Phát triển chương trình đảm bảo chất lượng của chúng tôi để tập trung nhiều hơn vào tính bền vững và mang lại kết quả trên khắp các trang trại Arla.

KIỂM TRA KHÍ HẬU

Một sáng kiến liên kết toàn cầu sẽ cho phép nông dân đo lường tác động của khí hậu ở cấp độ trang trại và khám phá cách họ có thể trở nên hiệu quả hơn với khí hậu.

ĐB

5065330 5065350
5065400 5065410

100% NATURAL MILK GOODNESS

FULL CREAM 3.5% FAT

5065412 5065430
Drawing 04 / 05

Combi-Swirl / Maxx

EASY-OPEN SAFETY CAP
Simply twist the cap and the milk is ready to be poured.

Serving size: 250 ml (8.45 fl. oz.) of servings per pint: 4
Calories per serving: 160 kcal

NUTRITIONAL INFORMATION		mg	% Daily Value*
Energy (kcal)		270/100	
Protein (g)		3.6	7.2
Total Fat (g)		3.5	7.0
Saturated Fat (g)		2.2	4.4
Cholesterol (mg)		10.0	2.0
Total Carbohydrate (g)		5.0	10.0
Sugars (g)		5.0	10.0
Sodium (mg)		10.0	2.0
Calcium (mg)		120.0	24.0
Vitamin A (IU)		1000.0	20.0
Vitamin B2 (mg)		0.10	2.0
Vitamin B12 (mg)		0.10	2.0
Vitamin D (mg)		0.005	1.0
Vitamin E (mg)		0.01	0.2
Vitamin K (mg)		0.01	0.2
Vitamin C (mg)		0.01	0.2
Vitamin B6 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B3 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B5 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B7 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B9 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B10 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B11 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B12 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B13 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B14 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B15 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B16 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B17 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B18 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B19 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B20 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B21 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B22 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B23 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B24 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B25 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B26 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B27 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B28 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B29 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B30 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B31 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B32 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B33 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B34 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B35 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B36 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B37 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B38 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B39 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B40 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B41 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B42 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B43 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B44 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B45 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B46 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B47 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B48 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B49 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B50 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B51 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B52 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B53 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B54 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B55 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B56 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B57 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B58 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B59 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B60 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B61 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B62 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B63 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B64 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B65 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B66 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B67 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B68 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B69 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B70 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B71 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B72 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B73 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B74 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B75 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B76 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B77 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B78 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B79 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B80 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B81 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B82 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B83 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B84 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B85 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B86 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B87 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B88 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B89 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B90 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B91 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B92 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B93 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B94 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B95 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B96 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B97 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B98 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B99 (mg)		0.01	0.2
Vitamin B100 (mg)		0.01	0.2

*Daily values are based on a 

Ingredients: Sterilized milk, Vitamin A, Vitamin B2, Vitamin B12, Vitamin D, Vitamin E, Vitamin K, Vitamin C, Vitamin B6, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B7, Vitamin B9, Vitamin B11, Vitamin B13, Vitamin B14, Vitamin B15, Vitamin B16, Vitamin B17, Vitamin B18, Vitamin B19, Vitamin B20, Vitamin B21, Vitamin B22, Vitamin B23, Vitamin B24, Vitamin B25, Vitamin B26, Vitamin B27, Vitamin B28, Vitamin B29, Vitamin B30, Vitamin B31, Vitamin B32, Vitamin B33, Vitamin B34, Vitamin B35, Vitamin B36, Vitamin B37, Vitamin B38, Vitamin B39, Vitamin B40, Vitamin B41, Vitamin B42, Vitamin B43, Vitamin B44, Vitamin B45, Vitamin B46, Vitamin B47, Vitamin B48, Vitamin B49, Vitamin B50, Vitamin B51, Vitamin B52, Vitamin B53, Vitamin B54, Vitamin B55, Vitamin B56, Vitamin B57, Vitamin B58, Vitamin B59, Vitamin B60, Vitamin B61, Vitamin B62, Vitamin B63, Vitamin B64, Vitamin B65, Vitamin B66, Vitamin B67, Vitamin B68, Vitamin B69, Vitamin B70, Vitamin B71, Vitamin B72, Vitamin B73, Vitamin B74, Vitamin B75, Vitamin B76, Vitamin B77, Vitamin B78, Vitamin B79, Vitamin B80, Vitamin B81, Vitamin B82, Vitamin B83, Vitamin B84, Vitamin B85, Vitamin B86, Vitamin B87, Vitamin B88, Vitamin B89, Vitamin B90, Vitamin B91, Vitamin B92, Vitamin B93, Vitamin B94, Vitamin B95, Vitamin B96, Vitamin B97, Vitamin B98, Vitamin B99, Vitamin B100.

OUR CLIMATE AMBITION

Our planet is facing a climate challenge. Farming and dairy carry a huge responsibility, but also a great opportunity to positively contribute and help solve that challenge. At Arla we want to be part of the solution.

At the leading international dairy cooperative owned by thousands of farmers, we are committed to accelerating the transition to sustainable dairy production with intensified focus on the farm.

ACHIEVING OUR VISION:

With emissions from the dairy value chain coming primarily from farms, the greatest impact can be driven at farm level.

ARLAGEAR

Working on a dairy's emissions footprint is a key responsibility. To be successful, we need to work together with our farmers.

CLIMATE CHECK

A globally agreed initiative that will provide farmers with the tools and resources they need to reduce their emissions and improve their climate resilience.

DELICIOUS ALL NATURAL COWS' MILK

FRESH NEW LOOK

Cows' milk naturally contains calcium and proteins

Protein and calcium are needed for normal growth and development of bone in children.

NATURAL SOURCE OF:

CALCIUM

PROTEIN

VITAMIN A

VITAMIN B2

VITAMIN B12

NUTRI-GRADE

A B C D D₂

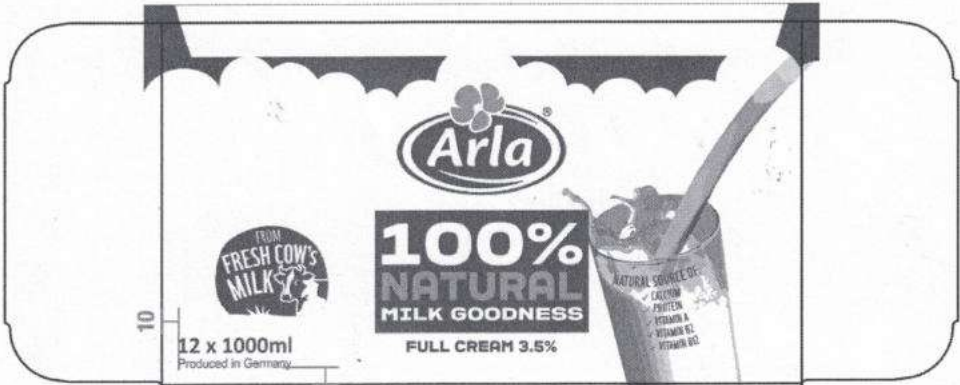
FRESH COW'S MILK

FULL CREAM

100% NATURAL MILK GOODNESS

5065330 5065350
5065400 5065410

Sub

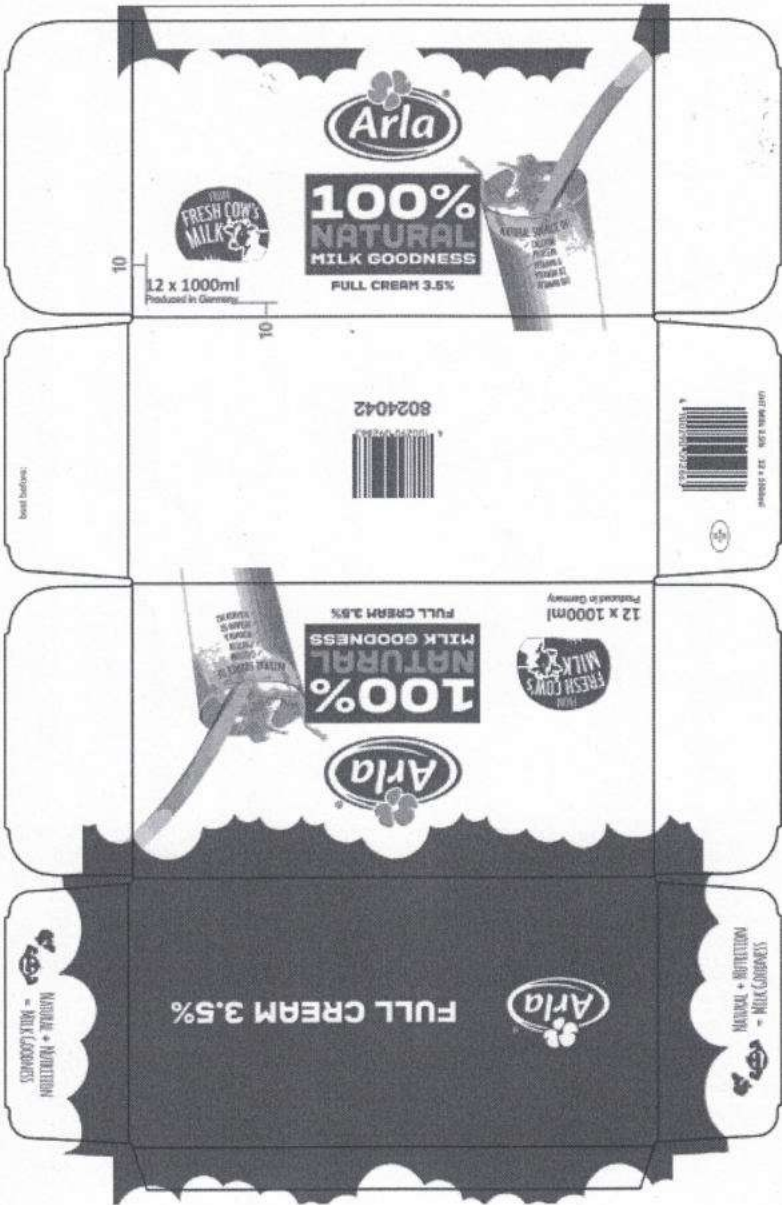


TỪ SỮA BÒ TƯƠI	ARLA	NGUỒN TỰ NHIÊN CỦA: Canxi Đạm Vitamin A Vitamin B2 Vitamin B12
12 x 1000 ml	100% SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT	
Sản xuất tại Đức	NGUYÊN KEM 3,5%	



TỰ NHIÊN + DINH DƯỠNG = SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT	Arla NGUYÊN KEM 3,5%	TỰ NHIÊN + DINH DƯỠNG = SỮA TƯƠI NGUYÊN CHẤT
---	-------------------------	---

5/5



100% NATURAL MILK GOODNESS

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 03 tháng 04 năm 2023 (Ngày mồng ba tháng tư năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại trụ sở Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga; Địa chỉ tại: A4 – TT19 KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Tôi, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do ông Trương Công Đạt, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, Thành phố Hà Nội dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt** ;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông Trương Công Đạt;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập 02 (hai) bản chính, mỗi bản gồm 8 tờ, 8 trang, lưu 01 bản tại Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, Thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 1025, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/BD.

NGƯỜI DỊCH



Trương Công Đạt

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Thùy Trang

2023/04/03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 03 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Chúng tôi là:

- **CÔNG TY TNHH FOBE**
- Mã số doanh nghiệp: 0315462826
- Người đại diện pháp luật: Trần Khắc Dũng
- Chức danh: Giám đốc
- Trụ sở: Tầng 14, Toà nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hiện công ty chúng tôi đang tiến hành bổ sung thủ tục về công bố sản phẩm đối với các sản phẩm Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem 3,5% béo hiệu Arla đơn vị chúng tôi nhập khẩu. Kính đề nghị quý cơ quan chức năng giải quyết hồ sơ công bố sản phẩm chúng tôi theo đúng quy định.

Trân trọng./.

CÔNG TY TNHH FOBE
(Đóng dấu và ký tên)



GIÁM ĐỐC
Trần Khắc Dũng



11/04/2023



CÔNG TY TNHH FOBE
CÔNG TY (Đóng dấu và ký tên)

GIAM ĐỐC
Giáo Khoa Dũng



CÔNG TY TNHH FOBE
(Đóng dấu và ký tên)
CHỖ CHẤM DẤU VÀ CHỖ CHỮ
FOBE

CHỖ CHỮ
Giới Khắc Dũng

M.D.